

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ báo cáo: 01 tháng 01 kỳ báo cáo 2021 đến 31 tháng 03 kỳ báo cáo 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên
Ông Lee Sang Seok	Thành viên
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập
Ông Trần Văn Quân	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Bạch Dương	Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



BẠCH DƯƠNG

Giám đốc

Ngày 26 tháng 04 năm 2021

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Khánh Trình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 26 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		307,358,602,667	300,196,155,119
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32,584,330,464	15,794,177,390
1.	Tiền	111		32,584,330,464	15,794,177,390
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	83,873,382,743	101,113,584,713
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		83,873,382,743	101,113,584,713
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188,329,942,919	182,294,660,377
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91,307,558,926	117,795,622,245
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		560,590,006	466,232,152
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	38,000,000,000	-
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	59,071,246,426	64,642,258,419
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(609,452,439)	(609,452,439)
IV.	Hàng tồn kho	140	16	2,443,547,336	896,392,784
1.	Hàng tồn kho	141		2,443,547,336	896,392,784
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		127,399,205	97,339,855
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17	127,399,205	96,253,855
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18	-	1,086,000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97,036,944,728	117,522,855,779
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		51,447,472,980	51,447,472,980
1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	500,000,000	500,000,000
2.	Phải thu dài hạn khác	216	13	50,947,472,980	50,947,472,980
II.	Tài sản cố định	220		4,832,391,559	4,232,636,878
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	19	4,832,391,559	4,232,636,878
	- Nguyên giá	222		12,548,285,182	12,152,150,636
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,715,893,623)	(7,919,513,758)
III.	Bất động sản đầu tư	230	22	13,421,870,188	36,579,425,535
	- Nguyên giá	231		13,421,870,188	36,579,425,535
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		26,172,984,123	23,922,984,123
1.	Đầu tư vào công ty con	251	27	33,471,572,080	28,221,572,080
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	27	1,756,000,000	4,756,000,000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8	(9,054,587,957)	(9,054,587,957)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1,162,225,878	1,340,336,263
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	18	1,162,225,878	1,340,336,263
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			404,395,547,395	417,719,010,898

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		174,037,603,867	194,670,350,854
I.	Nợ ngắn hạn	310		174,037,603,867	194,670,350,854
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	33	58,700,567,136	73,151,805,411
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	34	8,694,306,688	5,872,479,469
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	4,843,293,897	11,217,737,726
4.	Phải trả người lao động	314	35	1,378,324,671	1,262,230,156
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	39	1,546,270,925	1,072,155,310
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	40	98,874,840,550	102,093,942,782
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230,357,943,528	223,048,660,044
I.	Vốn chủ sở hữu	410	46	230,357,943,528	223,048,660,044
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,003,330,000	180,003,330,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,003,330,000	180,003,330,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		34,940,000	34,940,000
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50,319,673,528	43,010,390,044
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		796,743,348	796,743,348
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		49,522,930,180	42,213,646,696
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		404,395,547,395	417,719,010,898



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



BẠCH DƯƠNG
Giám đốc
Ngày 26 tháng 04 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động 3 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021)

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	53	144,534,989,132	51,305,927,616
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	53	1,201,476,500	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		143,333,512,632	51,305,927,616
4.	Giá vốn hàng bán	11	54	130,948,243,310	38,732,401,299
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12,385,269,322	12,573,526,317
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	56	4,726,763,452	1,660,578,720
7.	Chi phí tài chính	22	57	1,018,732,820	2,016,124,818
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		945,004,820	241,146,109
8.	Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	27	-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	58	3,248,815,002	2,611,688,424
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	58	3,740,428,767	3,113,661,573
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9,104,056,185	6,492,630,222
12.	Thu nhập khác	31	59	125,092,236	51,205,734
13.	Chi phí khác	32	60	118,861,020	614,779,732
14.	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		6,231,216	(563,573,998)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,110,287,401	5,929,056,224
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	61	1,840,019,730	1,308,767,191
17.	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7,270,267,671	4,620,289,033
	Trong đó:				
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		-	-
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	62	-	-
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	62	-	-


Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng


BẠCH DƯƠNG
Giám đốc
Ngày 26 tháng 04 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động 3 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021)

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9,110,287,401	5,929,056,224
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		288,794,007	352,113,804
	Các khoản dự phòng	03		-	1,678,815,818
	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		39,015,813	39,572,817
	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		16,275,016,220	(1,621,005,903)
	Chi phí lãi vay	06		945,004,820	241,146,109
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		26,658,118,265	6,619,698,869
	Giảm các khoản phải thu	09		29,122,381,584	10,208,126,471
	Tăng hàng tồn kho	10		(1,547,154,552)	(4,429,105,911)
	Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13,465,444,776)	(8,024,436,415)
	Giảm chi phí trả trước	12		148,051,035	78,485,496
	Tiền lãi vay đã trả	14		(583,844,205)	(241,146,109)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4,893,204,799)	(2,900,000,000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		35,438,902,552	1,311,622,401

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 3 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021)

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(17,743,056,476)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25,028,240,047	
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(162,100,000,000)	(179,246,451,315)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		116,895,806,128	103,329,196,252
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,250,000,000)	-
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,957,290,766	1,476,475,710
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15,468,663,059)	(74,440,779,353)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	69,747,960,000
2.	Tiền thu từ đi vay	33		97,906,426,138	37,283,381,631
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(101,125,528,370)	(37,424,945,574)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,219,102,232)	69,606,396,057
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		16,751,137,261	(3,522,760,895)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15,794,177,390	19,356,511,102
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39,015,813	(39,572,817)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		32,584,330,464	15,794,177,390

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



BẠCH ĐƯƠNG
Giám đốc
Ngày 26 tháng 04 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 ngày 04 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 18 ngày 18 tháng 8 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Hose (Sở Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh) với mã chứng khoán ADG từ ngày 22 tháng 02 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 139 người (ngày 31 tháng 03 năm 2020: 139 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và Sài Gòn.

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 như sau:

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	Công ty con		(%)	(%)	
1	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2	Công ty Cổ phần Review Thông minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4	Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	100	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
5	Công ty Cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6	Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hoá doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
8	Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
9	Công ty Cổ phần cMetric	Việt Nam	63	63	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động

Theo thỏa thuận ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa ADOP Inc. và Công ty, ADOP Inc. sẽ chuyển toàn bộ quyền biểu quyết tương ứng với 60% tỷ lệ sở hữu của mình ở công ty TNHH Adop Vietnam cho Công ty chỉ cho mục đích quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc tại Công ty TNHH ADOP Vietnam. Theo đó, do Công ty TNHH ADOP Vietnam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty, khoản đầu tư vào Công ty TNHH ADOP Vietnam được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính riêng này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh là báo cáo cùng kỳ năm trước (kỳ hoạt động 3 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ báo cáo tài chính

Kỳ báo cáo tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số kỳ báo cáo</u>
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả kỳ báo cáo (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu bán cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ báo cáo thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ báo cáo theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ báo cáo đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ báo cáo khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ báo cáo khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ báo cáo tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	135,410,670	4,535,949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32,448,919,794	15,789,641,441
	<u>32,584,330,464</u>	<u>15,794,177,390</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	83,873,382,743	-	101,113,584,713	-
a1) Ngắn hạn	83,873,382,743	-	101,113,584,713	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	350,000,000	-	-	-
- Trái phiếu ngắn hạn (i)	83,523,382,743	-	101,113,584,713	-
Trái phiếu Công ty TNHH Sài Gòn Glory	55,800,000,000	-	97,500,000,000	-
Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn đất xanh	1,723,382,743	-	1,963,584,713	-
Trái phiếu Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2	-	-	1,650,000,000	-
Tổng CTCP Thiết Bị điện Việt Nam	11,000,000,000	-	-	-
Trái phiếu Công ty CP Hưng Thịnh Land	15,000,000,000	-	-	-
a2) Dài hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50,210,000,00	-	50,210,000,00	-
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35,227,572,080	9,054,587,957	32,977,572,080	9,053,501,685
- Đầu tư vào công ty con	33,471,572,080	8,770,155,369	28,221,572,080	8,770,155,369
+) Công ty Cổ phần Review Thông minh	10,500,000,000	-	10,500,000,000	-
+) Công ty Cổ phần Orion Media (ii)	8,316,000,000	8,046,967,470	8,316,000,000	8,046,967,470
+) Công ty PT CleverAds	3,351,315,000	354,549,584	3,351,315,000	354,549,584
+) Công ty TNHH ADOP Vietnam	2,463,693,080	163,542,914	2,463,693,080	163,542,914
+) Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	2,250,000,000	180,670,113	2,250,000,000	180,670,113
+) Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	740,564,000	-	740,564,000	-
+) Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	600,000,000	24,425,288	600,000,000	24,425,288
+) Công ty Cổ phần cMetric	5,250,000,000	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	1,756,000,000	284,432,588	4,756,000,000	283,346,316
+) Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	1,756,000,000	284,432,588	1,756,000,000	283,346,316
+ Công ty Cổ phần cMetric	-	-	3,000,000,000	-

(i) Phản ánh trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 8,0%/năm – 9,8%/năm.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ báo cáo:

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
1	Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh có lỗ
2	Công ty Cổ phần Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lỗ
3	Công ty Cổ phần Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lỗ
4	Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh có lãi
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lỗ
6	Công ty TNHH ADOP Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lỗ
7	Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh có lỗ
8	Công ty Cổ phần cMetric	Hoạt động kinh doanh có lỗ
9	Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lỗ
10	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Chưa hoạt động

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ báo cáo</u> VND	<u>Số đầu kỳ báo cáo</u> VND
Công ty Cổ phần Tiki	51,543,341,847	71,709,359,152
Công ty CP Giải trí và Thể thao Điện tử Việt Nam	1,846,893,282	5,971,358,122
REVVU Corporation Inc	3,850,000,000	3,850,000,000
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Phương Đông	2,259,341,253	3,529,685,537
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tân Hiệp Phát	2,791,996,699	3,021,216,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	74,843,999	411,086,279
Các khách hàng khác	28,868,067,385	29,302,917,155
	91,234,484,465	117,795,622,245
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	6,549,907,117	287,564,897
	6,549,907,117	287,564,897

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ báo cáo</u> VND	<u>Số đầu kỳ báo cáo</u> VND
a. Ngắn hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	54,198,230,142	61,178,230,142
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1,614,546,836	2,028,649,409
Lãi dự thu trái phiếu có kỳ hạn	3,256,438,447	1,414,722,867
Phải thu khác	2,031,001	20,656,001
	59,071,246,426	64,642,258,419
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	50,210,000,000	50,210,000,000
Phải thu khác	737,472,980	737,472,980
	50,947,472,980	50,947,472,980

- (i) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2021 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 15. Chi tiết bao gồm:
- Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng số 33002072 có giá trị 35.000.000.000 VND, hợp đồng số 007220319001/2019/VIB-DN có giá trị 2.220.147.946 VND và hợp đồng số 007300719001/2019/VIB-DN có giá trị 2.149.089.496 VND, lãi suất 6,5%-7,3%/năm.
 - Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á theo hợp đồng số 06/2019/HĐTGT. Tlong với tổng giá trị cầm cố là 2.858.541.972 VND lãi suất 6.4%/năm.

- Toàn bộ tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 3.308.776.721 VND, lãi suất dao động từ 4.6%-4.9%/năm.
- Toàn bộ tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 8.077.310.809 VND, lãi suất dao động từ 4.7%-6.2%/năm.
- Tiền gửi của Công ty Cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Citibank với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 500.000.000 VND, lãi suất 0.4%/năm.
- (ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 15. Chi tiết bao gồm:
 - Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 7.2%/năm;
 - Trái phiếu mã số CTG2028T2/02-119 với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 35.000.000.000, lãi suất 6,9%/năm;
 - Trái phiếu mã số CTG1727T2/02-2634 với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 10.200.000.000, lãi suất 6,9%/năm.

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ báo cáo			Số đầu kỳ báo cáo		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đổi tượng nợ VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đổi tượng nợ VND
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Minh Thành Phát	195,949,280	-	195,949,280	195,949,280	-	195,949,280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	89,444,768	-	89,444,768	89,444,768	-	89,444,768
Công ty TNHH Ila Việt Nam	66,734,809	-	66,734,809	66,734,809	-	66,734,809
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt thự	53,745,958	-	53,745,958	53,745,958	-	53,745,958
Công ty TNHH Gogala	50,913,079	-	50,913,079	50,913,079	-	50,913,079
Công ty TNHH Khu Du lịch Vịnh Thiên Đường	45,100,000	-	45,100,000	45,100,000	-	45,100,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41,454,545	-	41,454,545	41,454,545	-	41,454,545
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công trình nghỉ dưỡng S.P.A	31,350,000	-	31,350,000	31,350,000	-	31,350,000
Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Trường Sa	23,760,000	-	23,760,000	23,760,000	-	23,760,000
Công ty TNHH Giáo dục Wisdomland	11,000,000	-	11,000,000	11,000,000	-	11,000,000
	609,452,439	-	609,452,439	609,452,439	-	609,452,439

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ báo cáo	11,815,557,181	336,593,455	12,152,150,636
Số dư cuối kỳ báo cáo	12,211,691,727	336,593,455	12,548,285,182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ báo cáo	7,586,933,654	332,580,104	7,919,513,758
Khấu hao trong kỳ báo cáo	(207,633,486)	4,013,351	(203,620,135)
Số dư cuối kỳ báo cáo	7,379,300,168	336,593,455	7,715,893,623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ báo cáo	4,228,623,527	4,013,351	4,232,636,878
Tại ngày cuối kỳ báo cáo	4,832,391,559	-	4,832,391,559

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.746.508.818 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020).

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ báo cáo	36,579,425,535	36,579,425,535
Tăng trong kỳ báo cáo	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(23,157,555,347)	(23,157,555,347)
Số dư cuối kỳ báo cáo	13,421,870,188	13,421,870,188
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ báo cáo	-	-
Số dư cuối kỳ báo cáo	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ báo cáo	36,579,425,535	36,579,425,535
Tại ngày cuối kỳ báo cáo	13,421,870,188	13,421,870,188

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại biệt thự LK4 - SL40, Lô TT96-9, khu đất phía Đông Nam dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và phần mở rộng khu B (Vinhomes Thăng Long) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Công ty đã thuê Công ty TNHH

MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Hà Nội định giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

- Sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội. Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁNNGẮN HẠN

	Số cuối kỳ báo cáo		Số đầu kỳ báo cáo	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Google Ireland	31,388,650,163	31,388,650,163	51,054,060,715	51,054,060,715
Công ty TNHH Facebook Ireland	26,566,728,676	26,566,728,676	21,788,812,002	21,788,812,002
Các đối tượng khác	745,188,297	745,188,297	308,932,694	308,932,694
	58,700,567,136	58,700,567,136	73,151,805,411	73,151,805,411

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Số đã thực nộp /thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	6,473,396,064	20,395,302,650	23,621,456,314	3,247,242,400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,645,604,186	1,840,019,730	4,932,220,612	1,553,403,304
Thuế thu nhập cá nhân	98,737,476	45,831,190	101,920,473	42,648,193
	11,217,737,726	22,281,153,570	28,655,597,399	4,843,293,897

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu kỳ báo cáo</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Tài chính LGC	289,153,128	289,153,128
Công ty TNHH Rich Product Việt Nam		618,310,000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1,380,000	326,800,000
Công ty TNHH Grab	223,067,188	223,067,188
Công ty TNHH Hichem Việt Nam	800,000,000	-
Các đối tượng khác	7,380,706,372	4,415,149,153
	<u>8,694,306,688</u>	<u>5,872,479,469</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu kỳ báo cáo</u>
	VND	VND
Phải trả về nghĩa vụ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (i)	300,000,000	300,000,000
Lãi vay phải trả	927,447,892	492,559,277
Kinh phí công đoàn	318,838,988	279,596,033
	<u>1,546,286,880</u>	<u>1,072,155,310</u>

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ báo cáo		Trong kỳ báo cáo		Số cuối kỳ báo cáo	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	97,026,255,819	97,026,255,819	80,807,791,484	83,526,255,819	94,307,791,484	94,307,791,484
Dư nợ tín dụng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	4,877,720,432	4,877,720,432	16,932,073,367	17,299,547,574	4,510,246,225	4,510,246,225
Citibank (iii)	189,966,531	189,966,531	166,561,287	299,724,977	56,802,841	56,802,841
	102,093,942,782	102,093,942,782	97,906,426,138	101,125,528,370	98,874,840,550	98,874,840,550

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm 2 hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 004/2020-HĐCVHM/NHCT140-CLEVERADS ký ngày 02 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 kỳ báo cáo kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2020. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,8%/kỳ báo cáo. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:
 - + Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 10.200.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140-CLEVERGROUP ngày 17 tháng 01 năm 2020 và số 010/2020//HĐBĐ/NHCT140-CLEVERGROUP ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 7);
 - + Hợp đồng tiền gửi số 33002072, số 007220319001/2019/VIB-DN và số 007300719001/2019/VIB-DN tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 39.369.237.442 VND (Thuyết minh số 7).
 - (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 7.300.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/kỳ báo cáo. Khoản vay có tài sản bảo đảm toàn bộ bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 8.077.310.809 VND (Thuyết minh số 7).
 - (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30 tháng 9 kỳ báo cáo 2020 là 500.000.000 VND (Thuyết minh số 7).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ báo cáo trước	180,003,330,000	34,940,000	43,010,390,044	223,048,660,044
Tăng vốn trong kỳ báo cáo		-		-
Lợi nhuận trong kỳ báo cáo	-	-	7,217,122,609	7,217,122,609
Số dư cuối kỳ báo cáo nay	180,003,330,000	34,940,000	50,227,512,653	230,265,782,653

Cổ phiếu

Cổ phiếu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18,000,333	18,000,333
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,000,333</i>	<i>18,000,333</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,000,333	18,000,333
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,000,333</i>	<i>18,000,333</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi lần thứ 18 ngày 18 tháng 8 năm 2020), vốn điều lệ của Công ty là 180.003.330.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Kỳ báo cáo	Tỉ lệ	Kỳ trước	Tỉ lệ
	VND	%	VND	%
FSN Asia Private Limited	72,399,520,000	40.22%	72,399,520,000	40.22%
Ông Nguyễn Khánh Trinh	47,885,710,000	26.60%	47,885,710,000	26.60%
CyberAgent Capital Inc.	902.760.000	0.50%	1,510,760,000	0.84%
Ông Dư Khắc Châu	1,603,960,000	0.89%	1,603,960,000	0.89%
Các cổ đông khác	57.211.380.000	31.79 %	56,603,380,000	31.45%
	180,003,330,000	100%	180,003,330,000	100%

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	760,928,762	524,618,182
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	748,770,300	748,770,300
Trên 1 năm đến 5 năm	3,245,445,600	3,245,445,600
	3,994,215,900	3,994,215,900

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối kỳ báo cáo</u>	<u>Số đầu kỳ báo cáo</u>
Đô la Mỹ (USD)	34,056	1,173

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và nước ngoài. Trong kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Công ty không có báo cáo tài chính bộ phận giữa niên độ theo khu vực địa lý cần phải được trình bày.

19. DOANH THU

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	25,424,374,593	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	119,110,614,539	51,305,927,616
	<u>144,534,989,132</u>	<u>51,305,927,616</u>
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 28	<u>2,342,385,150</u>	<u>1,334,329,962</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,201,476,500	-
	<u>1,201,476,500</u>	<u>-</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25,272,516	24,434,484
Chi phí nhân công	5,961,901,498	4,962,818,927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203,620,135	352,113,804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131,574,441,013	43,254,639,533
Chi phí khác bằng tiền	172,251,917	440,759,070
	<u>137,937,487,079</u>	<u>49,034,765,818</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ báo cáo</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	23,157,555,347	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107,790,687,963	38,732,401,299
	<u>130,948,243,310</u>	<u>38,732,401,299</u>
22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	<u>Kỳ báo cáo</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,114,954,892	1,621,005,903
Lãi chênh lệch tỷ giá	611,808,560	39,572,817
	<u>4,726,763,452</u>	<u>1,660,578,720</u>
23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	<u>Kỳ báo cáo</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1,678,815,818
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	945,004,820	241,146,109
Chi phí tài chính khác	73,728,000	96,162,891
	<u>1,018,732,820</u>	<u>2,016,124,818</u>
24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	<u>Kỳ báo cáo</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	1,486,591,540	782,274,657
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25,272,516	24,434,484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288,794,007	237,334,374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,887,259,819	1,645,372,972
Chi phí khác bằng tiền	52,510,885	424,245,086
	<u>3,740,428,767</u>	<u>3,113,661,573</u>
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	3,129,073,970	2,532,606,299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116,327,304	75,613,596
Chi phí khác bằng tiền	3,413,728	3,468,529
	<u>3,248,815,002</u>	<u>2,611,688,424</u>
25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		

	Kỳ báo cáo VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,840,019,730	1,308,767,191
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,840,019,730	1,308,767,191

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ báo cáo được tính như sau:

	Kỳ báo cáo VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	9,110,287,401	5,929,056,224
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	89,811,249	614,779,731
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,200,098,650	6,543,835,955
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	9,200,098,650	6,543,835,955
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,840,019,730	1,308,767,191

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/kỳ báo cáo. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 kỳ báo cáo tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2020.
- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/kỳ báo cáo. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 kỳ báo cáo tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2020.
- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132-136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.600 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 kỳ báo cáo tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2020.
- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.952.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 kỳ báo cáo tính từ ngày 16 tháng 7 năm 2020.

Cam kết vốn

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tổng mức đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ báo cáo:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần PT Cleverads	Công ty con
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	Công ty con
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty Cổ phần Orion Media	Công ty con
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Công ty con
Công ty Cổ phần cMetric	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho ứng dụng Thông Minh	Cùng cổ đông chính hoặc/ và thành viên quản lý chủ chốt
CleverAds Philippines Corporation	Cùng cổ đông chính hoặc/ và thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần JobsGO	Cùng cổ đông chính hoặc/ và thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ báo cáo, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,342,385,150	1,334,329,962
CleverAds Philippines Corporation	29,551,040	420,550,045
Công ty PT CleverAds	380,202,889	139,388,474
Công ty Cổ phần JobsGO	454,164,497	306,607,872
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	1,313,951,896	139,388,474
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	-	328,395,097
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	94,748,836	-
Công ty Cổ phần Orion Media	17,631,074	-
Công ty cổ phần ADOP Việt Nam	31,850,909	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	1,102,432	-
Công ty cổ phần Cmetric	19,181,577	-
Mua hàng hóa dịch vụ	801,718,317	148,356,480
Công ty Cổ phần Review Thông Minh	449,286,000	106,259,500
Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	347,707,725	-
Công ty cổ phần ADOP Việt Nam	4,724,592	-
Công ty Cổ phần Sói biển Trung thực	-	42,096,980
Công ty Cổ phần Orion Media	89,000,000	-
Nhận tiền vay/Trả gốc vay	-	-
FSNA Asia Private Limited	-	69,747,960,000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
	VND	VND
Phải thu khách hàng	6,549,907,117	287,564,897
CleverAds Philippines Corporation	5,791,480,770	-
Công ty cổ phần Review Thông Minh	242,112,000	32,979,785
Công ty Cổ phần JobsGO	293,047,151	254,585,112
Công ty Cổ phần Orion Media	114,212,954	-
Công ty cổ phần ADOP Việt Nam	46,850,000	-
Công ty cổ phần CleverX	51,441,135	-
Công ty cổ phần công nghệ quảng cáo Adtech	1,212,675	-
Công ty cổ phần Cmetric	9,550,432	-
Khách hàng ứng trước	1,024,176,054	-
Công ty Cổ phần PT CLEVERADS	1,024,176,054	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ báo cáo như sau:

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	680,744,838	549,980,000
	<u>680,744,838</u>	<u>549,980,000</u>

28. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Thành lập công ty cổ phần Giáo dục Lớp học mới

Ngày 23 tháng 03 năm 2021, Hội đồng quản trị công ty đã thông qua nghị quyết số 0323/2021/QĐ-HĐQT.ADG, thành lập Công ty cổ phần Giáo dục Lớp học mới. Tổng số vốn đầu tư là 9.500.000.000 VND, chiếm 95% vốn điều lệ của Lớp học mới. Theo đó công ty Cổ phần Lớp học mới sẽ trở thành công ty con của Công ty.

Thông qua việc đăng ký thực hiện quyền Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Theo nghị quyết số 0324/2021/QĐ-HĐQT.ADG ngày 24 tháng 03 năm 2021 đã thông qua việc ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền dự 14/04/2021. Ngày đại hội đồng cổ đông dự kiến trong tháng 05 năm 2021.

29. THÔNG TIN KHÁC

Doanh hưởng của dịch COVID-19, bắt nguồn tại Trung Quốc đã lan rộng sang nhiều quốc gia, gây ảnh hưởng trên diện rộng, tạo ra nhiều thách thức cho các ngành công nghiệp cũng như xã hội. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể của tình hình dịch bệnh đối với hoạt động Công ty và thực hiện tất cả các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nhân viên và các hoạt động của Công ty. Công ty đang liên tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



BẠCH DƯƠNG
Giám đốc

Ngày 26 tháng 4 năm 2021